

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI (VINALINK)

Năm báo cáo : 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Năm 1998:

- Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol**.

Năm 1999:

- 24/6 Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans , chuyên Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại , tên giao dịch : Vinalink ; vốn điều lệ 8 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải,kho bãi , văn phòng , XNK
- 16/7 Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ , cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy cty bao gồm:
 - + Ban Giám đốc .
 - + Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - + Phòng đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - + Kho 145 Nguyễn Tất Thành .
 - + Phòng kế toán - Hành chính .
- 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

Năm 2000:

- 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A 8 Trường sơn, Q.Tân bình , sau chuyển về 44 Trường sơn Q.Tân bình.
- 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- Tháng 10 : Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

Năm 2004:

- Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt nam - Singapore (Bình dương) chính thức hoạt động ,
- Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003 , góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.Ltd.
- Tháng 12 , Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà nội chính thức hoạt động tại số 2 Bích cầu, Q.Đống Đa.Từ đầu năm 2006 chuyển về tầng 11 cao ốc 14 Láng hạ, Q. Ba đình.
- 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006

- Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.

Năm 2007

- Tháng 4 : Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 8 quyết định tăng vốn điều lệ từ 36 tỷ VND lên 90 tỷ VND. Ngày 19/5/2007 Phòng Đăng ký kinh doanh TP.HCM cấp chứng nhận đăng ký tăng vốn lên 90 tỷ đồng .
- 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT , tên giao dịch là

LCM.CO.LTD- Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM.Co.Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembuorg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt nam .

2. Ngành nghề kinh doanh :

- Giao nhận đường biển và đường hàng không
- Dịch vụ Vận tải đa phương thức
- Dịch vụ Logistics, giao nhận nội địa
- Dịch vụ kho ngoại quan và lưu kho bảo quản hàng hóa
- Đại lý tàu biển
- Tổng đại lý bán cước
- Đại lý bán vé máy bay
- Kinh doanh xuất nhập khẩu
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh nhà

3. Định hướng phát triển :

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu nhiệm vụ: Phân đầu đảm bảo kết quả kinh doanh chung tăng từ 15-20% so với năm 2006; ổn định và phát triển các mảng Hàng không, gom hàng, kho,.. chú trọng phát triển dịch vụ Logistics hướng tới các khách hàng là các pháp nhân ổn định; tìm kiếm và phát triển các dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định, tiếp tục **tập trung trọng điểm cho các dịch vụ giao nhận hàng NK; thị trường phía Bắc: đầu tư cơ sở vật chất và phát triển các dịch vụ mới.**

❖ Các chương trình/Kế hoạch đầu tư phát triển trong năm 2008 và trung hạn:

- Đề tập trung nâng cao phát triển dịch vụ logistics: tiến hành thành lập công ty con: Cty TNHH 1 thành viên VINALINK LOGISTICS trên cơ sở Phòng Logistics và kho 145-147 Nguyễn Tất Thành
- Đầu tư xây dựng phát triển kho tàng bến bãi ở các khu vực, các dự án dự kiến tại các khu vực như: Hà Tây, Bắc Ninh, Cái Mép, khu vực TPHCM và lân cận, mỗi nơi khoảng 10,000 – 15,000m²
- Tiến hành dịch vụ đầu tư cơ sở hạ tầng: tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng KCN và khai thác cung cấp các dịch vụ có liên quan và dịch vụ Logistics cho các doanh nghiệp trong KCN
- Cùng với đối tác tiếp tục các bước xin chủ trương đầu tư cho dự án xây dựng Cao ốc tại 145-147 Nguyễn tất Thành
- Mở rộng Kho Ngoại quan lên gấp 2 lần so với hiện nay
- Tiếp tục đầu tư phương tiện vận tải nâng quy mô đoàn xe lên khoảng 15-20 xe container, 7-10 xe vận tải nhẹ

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Năm 2007, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành xuất sắc các kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Qua 04 kỳ họp, HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động. Cụ thể:

- Triển khai giao kế hoạch kinh doanh cho công ty trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thông qua chủ trương đánh giá nguồn lực của Công ty và giải pháp sử dụng các nguồn lực hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh.
 - Thông qua các vấn đề về nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh chăm sóc khách hàng, xây dựng văn hóa công ty => đẩy mạnh hoạt động truyền thông.
 - Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, lựa chọn đối tác và xúc tiến làm thủ tục xây dựng dự án cao ốc văn phòng, khách sạn ... tại 145-147 Nguyễn Tất Thành, Q4; triển khai việc nhận chuyển nhượng QSD đất tại Nhơn Trạch (được 15ha); xúc tiến dự án hợp tác đầu tư xây dựng KCN tại Hải dương.
 - Bổ nhiệm cán bộ, hoàn chỉnh và tăng cường bộ máy lãnh đạo công ty.
 - Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 8 về việc tăng vốn điều lệ của cty, năm 2007 đã phát hành:
 - + 360,000 cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu
 - + 18,000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng cho 104 cổ đông là CBNV trong công ty, trong đó 4,850 CP bán cho các thành viên HĐQT, BKS và BGĐ cty.
 - + 81,000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng cho các cổ đông pháp nhân chủ chốt là các cty hiện đang có vốn góp của công ty.
 - + Số 81,000 cổ phần phổ thông dành để bán rộng rãi theo phương thức đấu giá chưa thực hiện được do tình hình thị trường không thuận lợi và công ty chưa báo cáo xin phép UBCKNN.
2. Các hoạt động đầu tư:
- Với các công ty đã đầu tư và đang hoạt động:
 - + Giảm vốn góp trong Cty LD Hapag lloyd từ 51% xuống 49% (tương đương 64,980,000đ) theo cam kết phù hợp với lộ trình mở cửa dịch vụ vận tải biển của Nhà nước
 - + Đầu tư thêm 12,004,089,202đ vào các Công ty: Konoike-Vina, Vinafreight, Vinatrans Hà nội, Vinatrans Đà Nẵng, V-truck, Vinacontrol do các công ty này tăng vốn điều lệ
 - + Kết quả hoạt động của các công ty có vốn góp của Vinalink năm 2007 đều có tỷ lệ tăng trưởng tốt hơn so với năm trước
 - Đầu tư mới: Vinalink đã cùng Công ty FC (Singapore) thành lập 1 Công ty liên doanh mới có tên Cty TNHH Điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết (LCM Co., Ltd) với vốn điều lệ ban đầu 100,000 USD (hiện nay đã tăng lên 400,000 USD – Vinalink chiếm 51%) làm tổng đại lý cho Hãng hàng không Cargolux từ cuối tháng 10/2007

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 18,9
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 23,75
- Tình hình tài chính trong năm không có biến động gì lớn
- Giá trị sổ sách tại thời điểm của năm báo cáo (biên bản kiểm toán)
- Cổ phiếu

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 819,000 (Mệnh giá 100,000đ/CP)

- Cổ phiếu phổ thông: 720,000
- Cổ phiếu ưu đãi: 99,000

- Cổ tức: 12%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT :triệu VND

Chỉ tiêu	TH 2006	KH 2007	TH 2007	% /2006	% /KH
1. Tổng Doanh thu:	143,235	126,000	156,310	109%	124%
Trong đó: - KD trực tiếp	139,700	116,800	144,276		108%
- Thu khác:		2,000	1,943		122%
- Đầu tư vốn:	3,535	7,200	10,091	280%	140%
2. Thặng dư vốn:		7,000	4,950		71%
3. Lãi trước thuế:	16,132	15,800	21,918	131%	137%
Trong đó: - KD trực tiếp	10,614	6,600	9,884		
- Thu khác:	1,983	2,000	1,943		
- Đầu tư vốn:	3,535	7,200	10,091		
4. Lãi sau thuế:	14,201	13,680	19,475	136%	141%
Trong đó: - KD trực tiếp và thu khác	10,666	6,480	9,384	86%	142%
- Đầu tư vốn:	3,535	7,200	10,091	280%	140%
5. Chênh lệch thu chi (chưa lương):	18,014	16,500	20,521	110%	119%
6. Lao động bình quân	170	193	199	117%	103%
7. Quỹ Lương:	7,400	9,900	10,637	145%	108%
8. Nộp NSNN:	5,573		8,245	147%	

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2007 có một số điểm nổi bật như sau:

- Vào thời điểm Quý 2 của năm, một số cổ đông đồng thời là các cán bộ chủ chốt của công ty cùng một nhóm nhân viên chủ yếu ở Phòng Xuất Đường biển và Phòng Hàng không đồng thời nghỉ việc và thành lập công ty trực tiếp cạnh tranh đây Công ty vào tình trạng đặc biệt khó khăn cả về nhân sự lẫn việc giữ nguồn khách hàng và Đại lý nước ngoài hiện công ty đang sở hữu. Tuy phải đối mặt với khó khăn rất lớn, nhưng Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV trong Công ty đã có sự nỗ lực cố gắng vượt bậc, có nhiều biện pháp cụ thể và có hiệu quả nên đã nhanh chóng ổn định tình hình, củng cố và bổ sung nhân sự, liên hệ chặt chẽ với khách hàng, và hệ thống Đại lý cũ, cũng như phát triển thêm được nguồn khách hàng, và Đại lý mới,... kết quả năm 2007 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch, hầu hết các đơn vị phòng ban đều có mức tăng trưởng khá cao
- Định hướng ưu tiên phát triển dịch vụ Logistics và dịch vụ Hàng nhập đã được thực hiện tốt, thể hiện ở các điểm:
 - + Tập trung đầu tư cơ sở phương tiện vận tải, tăng thêm 7 xe đầu kéo container, 4 xe tải nhẹ tạo điều kiện chủ động trong dịch vụ, nâng cao uy tín thương hiệu VINALINK
 - + Các dịch vụ logistics đã phát triển ngày càng đa dạng và phong phú, với nhiều khách hàng lớn, tỷ trọng doanh thu Logistics tăng (chiếm 27% tổng doanh thu so với 22.5 % của năm 2006)

- + Tỷ trọng doanh thu các dịch vụ hàng nhập tăng từ 13.5 % năm 2006 lên 21% năm 2007 với các hoạt động bán dịch vụ trực tiếp tăng, không để lệ thuộc vào nguồn khách hàng chỉ định từ phí Đại lý
- + Các dịch vụ giao nhận, cước đường biển, hàng không tuy không có nhiều nguồn hàng chỉ định từ đại lý song vẫn được duy trì và phát triển có hiệu quả, nhất là dịch vụ hàng không.
- Một số hạn chế:
 - + Về dịch vụ: tính ổn định chưa cao, cơ cấu khách hàng hiện nay chưa tích cực, tỷ lệ khách hàng pháp nhân lớn thấp, số lượng khách hàng cá nhân, và co-load còn chiếm tỷ trọng lớn
 - + Về nhân sự: chưa ổn định, việc tuyển dụng mới còn nhiều khó khăn về mặt chất lượng, đặc biệt là nguồn cho chức danh sales và cán bộ chủ chốt
 - + Cơ sở vật chất: thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ Logistics – dịch vụ chủ yếu của công ty trong tương lai
 - + Hệ thống phần mềm phục vụ cho nghiệp vụ Giao nhận, nghiệp vụ Quản lý Kho và quản lý chất lượng còn chưa hoàn chỉnh, chưa đảm bảo được nhu cầu cũng như chưa liên kết được các mảng dịch vụ của công ty nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của CBCNV công ty.

3. Kế hoạch năm 2008

❖ Chỉ tiêu cụ thể:

- + **Doanh thu: 170 tỷ**
- + **Lãi trước thuế: 18,86 tỷ**

❖ Một số biện pháp chung :

- + Về tổ chức và nhân sự: Bố trí đào tạo – kết hợp đào tạo tại chỗ với việc gửi đi khảo sát, thực hành nghiệp vụ ở các đại lý nước ngoài nhằm làm tăng khả năng ứng xử và kỹ năng làm việc, tăng cường nhân sự theo hướng các chức danh phải có người dự bị vừa giảm bớt cường độ làm việc ở những chức danh quá tải, vừa có điều kiện chủ động đối phó việc biến động nhân sự sẽ còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Có KH đào tạo nâng cao cho nhân viên bằng các hình thức phù hợp. Thay đổi và hoàn thiện cơ chế trả lương - thưởng cho phù hợp với các quy định mới và thực tế công ty.
- + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ KH và đối tác; nâng cấp trang WEB, xây dựng phần mềm nghiệp vụ mới, phần mềm Quản lý Kho. Tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới
- + Chấn chỉnh việc thực hiện nội quy kỷ luật, hoàn thiện và phát triển môi trường làm việc thân thiện có văn hóa ở từng đơn vị và trong phạm vi cả công ty.
- + Đề tập trung nâng cao dịch vụ logistics: tiến hành thành lập công ty con Cty TNHH một thành viên Vinalink Logistics trên cơ sở phòng Logistics và kho 145-147 Nguyễn Tất Thành.
- + Đầu tư xây dựng phát triển kho tàng, bến bãi ở các khu vực trọng điểm kinh tế của miền Bắc và miền Nam.
- + Tiến hành dịch vụ đầu tư cơ sở hạ tầng; Tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng KCN và khai thác cung cấp các dịch có liên quan và dịch vụ logistics cho các doanh nghiệp trong KCN.
- + Tiếp tục các bước tiếp xin chủ trương đầu tư cho dự án 145-147 Nguyễn Tất Thành.

- + Tiết kiệm chi phí phải được coi là một biện pháp tích cực, quan trọng để nâng cao hiệu quả kinh doanh bao gồm cả việc sử dụng hợp lý tiết kiệm vật tư chi phí và việc tránh sai sót phát sinh chi phí.
- + Mở rộng quy mô kho ngoài quan trọng tổng thể phát triển dịch vụ hàng NK. Có biện pháp chuẩn bị đối phó với việc giá thuê đất tăng cao để kinh doanh kho ít bị giảm sút.
- + Tiếp tục đầu tư phương tiện vận tải nâng quy mô đoàn xe lên khoảng 15-20 xe container, 7- 10 xe vận tải nhẹ .
- + Thực hiện các thủ tục để bán đấu giá 810,000 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10,000 đ/CP) theo NQ của ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 8 và niêm yết cổ phiếu công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Bản tóm tắt kèm theo).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán DTL
- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Trích :” **Theo ý kiến chúng tôi**, xét trên phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần giao nhận Vận tải và Thương mại vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TPHCM, ngày 20 tháng 03 năm 2008

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

Đã ký

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

VI. Các công ty có liên quan

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

ĐVT: triệu VND

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VĐL	Ghi chú
1	Cty LD Hapag-Lloyd (VN)	1,548	49.00%	
2	Cty LD RCL (VN)	2,130	45.00%	
3	Cty LD FC (VN)	1,987	51.00%	
4	Cty LD Konoike Vina	4,906	9.15%	
5	Cty LD LCM (VN)	3,277	51.00%	Mới hoạt động
6	Cty TNHH V-truck	726	9.81%	

7	Cty CP Vinafreight	855	1.50%	
8	Cty CP Vinatrans Hanoi	13,200	22.00%	
9	Cty CP Vinatrans Danang	4,392	29.80%	
10	Cty CP Vinacontrol	2,100		

Các công ty trên (trừ công ty LD LCM mới đi vào hoạt động từ tháng 11/2007 chưa có lãi) đều hoạt động tốt và có hiệu quả cao.

VII. Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức của công ty: Hiện tại công ty có

- + Ban Giám đốc: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc
- + 1 chi nhánh tại Hà Nội, 1 VPĐD tại Hải phòng
- + 5 phòng kinh doanh, 2 phòng ban quản lý phục vụ
- + Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương của Tổng giám đốc 21 triệu đồng/tháng
- + Số lượng cán bộ, nhân viên : 221 người

Thay đổi thành viên Ban Giám đốc : Trong năm 2007 một phó Giám đốc nghỉ việc từ tháng 6.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

1. Thành viên và cơ cấu HĐQT: 05 người.
 - a. Thành viên độc lập :4 người
 - b. Thành viên kiêm nhiệm: 01 người, kiêm nhiệm giám đốc Công ty.
2. Hoạt động của HĐQT: Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức không tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại các kỳ họp hoặc bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cụ thể, năm 2007, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề của Công ty.. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hoạt động của Ban kiểm soát:
 - Kiểm soát và làm việc trực tiếp với các đoàn kiểm toán năm 2007 và kiểm tra báo cáo tài chính 2007, giám sát kết quả lấy ý kiến của cổ đông về sửa đổi Điều lệ.
 - 4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên BKS và BGD được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và thực hiện thống nhất như sau:
 - + Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao 6 tr.đ/quý.
 - + Các thành viên HĐQT hưởng thù lao 5 tr.đ/quý.
 - + Trưởng BKS 2, 5 tr.đ/năm, thành viên BKS 2 tr.đ/năm.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

Tổng số: 444 sở hữu 98.75% cổ phần công ty

- + Cá nhân: 440 sở hữu 80.07% cổ phần công ty
- + Tổ chức: 4 sở hữu 18.68% cổ phần công ty

Thông tin về cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cty Vinatrans	406 Nguyễn Tất Thành, Q. 4	90,000	10.00%
2	Cty Vinatrans Hà nội	2 Bích Câu, Đống Đa, HN	46,000	5.11%
3	Ông Vũ Thế Đức	102C Nguyễn Văn Cừ, Q. 5	21,294	2.37%
4	Bà Trương Hà vân	132/4 Hoàng Hoa Thám, Tân Bình	12,800	1.42%
5	Ông Bùi Ngọc Loan	117 Võ Thị Sáu, Q. 3	12,400	1.38%
6	Ông Lê Đức Nhượng	285/2/8 CMT8, Q. 10	12,170	1.35%
7	Bà Lữ Thị Ngọc Toàn	207/15 Đường 3/2, Q. 10	11,650	1.29%
8	Bà Dương Kim Bạch Lan	2/24 Cao Thắng, Q. 3	11,600	1.29%
9	Ông Nguyễn Hồng Hải	9 Hồng Hà, Tân Bình	11,320	1.26%
10	Cty Vinafreight	A8 Trường Sơn, Tân Bình	11,000	1.22%

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn ngoài nước

Tổng số: 3 sở hữu 1.25% cổ phần công ty

- + Cá nhân: 2 sở hữu 0.27% cổ phần công ty
- + Tổ chức: 1 sở hữu 0.98% cổ phần công ty

TP.Hồ Chí Minh ngày tháng 3 năm 2008

Tổng Giám đốc công ty

Nguyễn Nam Tiến

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty
Vinalink

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

năm 2007

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	47,067,179,808	71,506,692,814
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	23,157,169,226	37,362,311,318
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,000,000,000	5,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	15,779,071,133	26,042,324,351
4	Hàng tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,130,939,449	3,102,057,145
II	Tài sản dài hạn	26,301,180,314	48,284,101,066
1	Các khoản phải thu dài hạn		2,000,000,000
2	Tài sản cố định	5,677,030,127	10,237,052,085
	- Tài sản cố định hữu hình	5,677,030,127	10,237,052,085
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19,922,541,100	35,123,071,302
5	Tài sản dài hạn khác	701,609,087	923,977,679
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	73,368,360,122	119,790,793,880
IV	Nợ phải trả	12,297,533,760	11,511,472,817
1	Nợ ngắn hạn	12,297,533,760	11,511,472,817
2	Nợ dài hạn		
V	Vốn chủ sở hữu	61,070,826,362	106,279,321,063

1	Vốn chủ sở hữu	58,553,448,456	103,536,757,581
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36,000,000,000	81,900,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		4,950,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22,553,448,456	16,686,757,581
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,517,377,906	2,742,563,482
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,517,377,906	2,742,563,482
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>73,368,360,122</u>	<u>117,790,793,880</u>

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	143,976,041,305	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143,976,041,305	
4	Giá vốn hàng bán	126,126,056,360	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,849,984,945	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	12,299,198,399	
7	Chi phí tài chính	906,029,657	
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,335,505,024	

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21,907,648,663	
11	Thu nhập khác	34,818,185	
12	Chi phí khác	24,318,186	
13	Lợi nhuận khác	10,499,999	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21,918,148,662	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,442,781,121	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19,475,367,541	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23,779	
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	12%	

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		35.51%	39.29%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	64.49%	60.71%
3	Khả năng thanh toán			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	15.62%	9.77%
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	84.38%	90.23%
3	Khả năng thanh toán nhanh		4.13	6.21
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4.13	6.21
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		19.57%	16.53%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		10.56%	13.53%
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	23.19%	18.32%

TP.HCM Ngày 20 tháng 3 năm 2008.
Tổng Giám đốc công ty

(Đã ký)

Nguyễn Nam Tiến